

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 74/2022/HNGĐ -ST

Ngày 09/8/2022.

V/v tranh chấp ly hôn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn Ph;

2/. Bà Nguyễn Hồng L.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 108/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2022/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131 ngày 22/7/2022, giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị Hà Thị Ngọc Y, sinh năm 1985;

Địa chỉ: số 215B, Khu Phố 2, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Bị đơn: Anh Châu Thanh K, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp Mỹ 1, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Y có đơn xin vắng mặt, anh K vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Hà Thị Ngọc Y có lời khai trình bày: Chị với anh Châu Thanh K làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2014, còn ngày nào thì không nhớ, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/6/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hưng

Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh K không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung thì chị và anh K không có tài sản chung, không nợ ai hoặc ai nợ chị, anh. Nay chị Y yêu cầu ly hôn với anh Châu Thanh K. Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác.

- Bị đơn anh Châu Thanh K đã được Tòa án nhân dân huyện Phước Long triệu tập nhiều lần nhưng anh đều vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành quy định của khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y, cho chị Y được ly hôn với anh Châu Thanh K.

+ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hà Thị Ngọc Y kiện anh Châu Thanh K về việc Hôn nhân gia đình tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu và Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Y có đơn xin vắng mặt, anh K vắng mặt lần 2 tại phiên xét xử nên việc xét xử vắng mặt chị Y, anh K là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị Hà Thị Ngọc Y xác định chị với anh Châu Thanh K làm đám cưới năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tại Trích lục kết hôn ngày 23/11/2021, Ủy ban nhân dân Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện chị Hà Thị Ngọc Y và anh Châu Thanh K đăng ký kết hôn vào ngày 11/6/2014. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị và anh K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; nay chị Y yêu cầu ly hôn với anh K. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn về hôn nhân của chị Y và anh K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, theo lời khai của chị Y thì chị và anh K không còn sống

chung từ tháng 10 năm 2021 đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị Ngọc Y, cho chị Y được ly hôn với anh Châu Thanh K.

[3] Về con chung: Theo lời khai của chị Hà Thị Ngọc Y thì chị và anh Châu Thanh K chưa có con chung, chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo lời khai của chị Hà Thị Ngọc Y thì chị và anh Châu Thanh K không có tài sản chung, không nợ ai hoặc ai nợ anh, chị. Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí xét xử dân sự sơ thẩm: Buộc chị Hà Thị Ngọc Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và điểm a, b khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Ngọc Y, cho chị Hà Thị Ngọc Y được ly hôn với anh Châu Thanh K.

2/. Về con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Hà Thị Ngọc Y phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Y đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005101 ngày 14 tháng 3 năm 2022 được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long. Anh Châu Thanh K không phải nộp án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh Tồn